TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 111/2020/DS-PT. Ngày 28 - 7 – 2020. V/v "Tranh chấp quyền về lối đi qua".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca.

Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Đức Hoài Mi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2020/TLPT- DS ngày 07 tháng 01 năm 2020, về "Tranh chấp quyền về lối đi qua".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2020/QĐ - PT ngày 09 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1959, có mặt;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Nh**, sinh năm 1970, có mặt;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Nguyễn Thị H,** sinh năm 1976, có mặt;

2. Ông **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1977, có văn bản xin vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: Ông Trần Văn Nh là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông có phần đất thổ quả thửa 280 liền kề với thửa 353 tờ bản đồ số 04 do ông Trần Văn Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Nguồn gốc đất của ông và của ông Nh là đất của ông bà để lại cho con cháu sử dụng. Từ nhà ông muốn ra đường công cộng ông phải đi nhờ lối đi qua thửa 353 của ông Nh ngang khoảng 05m, dài khoảng 60m, diện tích khoảng 300m^2. Khoảng tháng 3/2013 bà Nguyễn Thị Kh mẹ của ông Nh còn sống, bà Kh và Nh có kêu ông chỉ chỗ cho ông tự lấp mương đi đường đi khác từ nhà ông đi ra lộ công cộng. Ông không đồng ý vì không có khả năng, qua ngày hôm sau bà Kh kêu con là ông Nh kêu ông qua bà nói cứ tu bổ đường đi này để đi đời đời rồi bà sẽ làm giấy tờ cho nên ông mới nhận. Sau đó ông Nh có đem máy cưa phụ làm với ông. Ông Nh yêu cầu ông đặt cống thoát nước ông làm theo ý Nh Năm 2017 ông Nh kêu ông mua lưới B40 rào đầu vườn, ông mua lưới rào hơn nửa đường thì ông Nh không cho rào nói với ông "Đường đi này tôi lấy lại cậu làm đường mới tôi cho 2m dưới mương trước đó kobe đã móc lên". Ông không chấp nhận vì mương kobe đã móc lên đường trước đó quá sâu ông không có khả năng làm. Sau đó chị ruột ông là bà Nguyễn Thị Nh và bà Nguyễn Thị H cùng anh rễ có về hòa giải nhiều lần vì ngoài lối đi này ông không còn đường đi nào khác. Đến ngày 03/4/2018 ông Nh kêu ông ra đo cho ông 2m ở giữa mương để ông lấp làm

lối đi. Ông nói ông không có khả năng lấp lối đi này. Ông Nh nói đến ngày 07/4/2018 sẽ đóng cọc rào đường lại không cho gia đình ông đi lối đi cũ.

Do đó ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được tiếp tục mở lối đi từ nhà ông qua phần đất thửa 353 tờ bản đồ số 4 theo lối đi cũ dài khoảng 60m, chiều ngang 3,2m diện tích theo đo đạc thực tế là 186m^2 chỉ tính phần đất trên bờ ông đã lấp không tính dưới mương trên phần đất do ông Trần Văn Nhg đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Vì ngoài phần lối đi này gia đình ông không còn lối đi nào khác. Gia đình ông chấp nhận thuê đất của ông Nh diện tích 186m^2 làm lối đi hoặc mua theo giá thỏa thuận của hai bên hoặc cho gia đình ông đổi diện tích 750m^2 phần đất của ông liền kề với đất của ông Nh để lấy lối đi.

Tại bản khai ý kiến ngày 19 tháng 6 năm 2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn Nh trình bày:

Nay đối với việc ông H yêu cầu được tiếp tục mở lối đi từ nhà ông H tại thửa 280 qua phần đất thửa 353 tờ bản đồ số 4 của ông theo lối đi cũ chiều ngang 3,2m, dài khoảng 60m, diện tích theo đo đạc thực tế là 186m^2 chỉ tính phần đất trên bờ không tính dưới mương trên phần đất do ông đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, gia đình ông H chấp nhận thuê đất của ông diện tích 186m^2 làm lối đi ông không đồng ý. Do ông H đi mà không tu sửa bảo quản không làm hàng rào, ngoài ra còn phá hoại hoa màu cây cối của ông. Ông chỉ đồng ý cho ông H mở lối đi trên thửa đất 353 chiều ngang 2m diện tích theo đo đạc thực tế là 123,2m^2 cặp ranh ông Nguyễn Văn T ở dưới mương, ông H tự đổ đất làm đường đi mới. Ông đồng ý trả lại cho ông H số tiền 3.600.000đ tiền công mướn kobe chở đất đổ đường đi cũ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Phần đất thửa 353 do chồng bà là ông Trần Văn Nh hưởng thừa kế riêng của mẹ chồng để lại, đây là tài sản riêng của ông Nh. Trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/6/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp là cấp cho cá nhân ông Nh nên bà không có ý kiến nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông đồng ý dành lối đi cho ông Nguyễn Văn H ra đường công cộng thông qua thửa đất 341 của ông và ông xin vắng mặt khi tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long xử, quyết định:

Căn cứ vào Điều 100, Điều 203 Luật đất đai; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H.

Buộc ông Trần Văn Nh chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H phần đất lối đi theo hiện trạng đo đạc thực tế chiều ngang 3,2m chiều dài 60m diện tích 186m^2 tại thửa 353 tờ bản đồ số 4 đất toạ lạc tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long do ông Trần Văn Nh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN 278130 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 11/6/2018.

Vị trí phần đất:

+ Hướng Đông từ cột mốc số 4, số 6 là 3m.

+ Hướng Tây từ cột mốc số 1 đến 15 là 3m.

+ Hướng Bắc theo các cột mốc số 1, 2, 3.

+ Hướng Nam theo các cột mốc số 15, 16, 17, 21, 6.

(Có kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/8/2018 của phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Vũng Liêm).

Buộc ông Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho anh Trần Văn Nh tiền đất là 18.600.000đ (Mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng), tiền cây trồng là 205.000đ (Hai trăm lẻ năm nghìn đồng), tổng cộng là 18.805.000đ (Mười tám triệu tám trăm lẻ năm nghìn đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn H, anh Trần Văn Nh có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất do đất có biến động.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 28/10/2019 bị đơn ông Trần Văn Nh kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm

giải quyết: Sửa bản án sơ thẩm theo yêu cầu của ông Nh là mở một lối đi cho ông H giáp ranh thửa đất 263 của bà Nguyễn Thị L ngang 2m dài 62m thuộc thửa đất 353, tờ bản đồ số 4, diện tích 123,2m^2, đất tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Ông Nh không yêu cầu ông H phải trả giá trị đất 12.320.000 đồng theo giá của Hội đồng định giá, ông Nh đồng ý hỗ trợ cho ông H số tiền 3.600.000 đồng mà trước đây ông H đã sang lấp làm lối đi tạm thời.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn H, ông Trần Văn Nh và bà Nguyễn Thị H thỏa thuận được với nhau toàn bộ các vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án là:

1. Ông Trần Văn Nh có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Nguyễn Văn H tại tách thửa số 353 diện tích 165,1m^2 {gồm: 48,5m^2 và 116,6m^2}, gồm các mốc 2,3,4,5,6,7,8,22,11,12,21,20,17,2}. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp đề ngày 09/7/2020. Ông Hào không phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị đất cho ông Nh, nên ông H không được kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại diện tích mở lối đi.

2. Ông Trần Văn Nh có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn H số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

3. Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá:

3.1. Tại cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu nộp 2.864.300 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm đồng).

3.2. Tại cấp phúc thẩm: Ông Trần Văn Nh đồng ý chịu nộp 3.658.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định

của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự, Luật sư có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nh, chị H, ông H thống nhất thỏa thuận như sau: anh Nh và chị H thống nhất đồng ý mở cho ông H một lối đi diện tích 165,1m^2 gồm các mốc 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 22, 11, 12, 21, 20, 17, 2 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 09/7/2020 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long. Anh Nh vẫn là người đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đồng ý hỗ trợ cho ông H 5.000.000 đồng.

Về chi phí khảo sát, đo đạc các đương sự tự nguyện thỏa thuận: ông H đồng ý nộp số tiền 2.864.300 đồng tại cấp sơ thẩm, anh Nh đồng ý nộp chi phí khảo sát đo đạc tại cấp phúc thẩm.

Xét thấy, việc thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Sửa bản án sơ thẩm. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự anh Nh phải mở cho ông H một lối đi có diện tích 165,1m^2 thuộc các mốc 2,3,4,5,6,7,8,22,11,12,21,20,17,2 theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 09/7/2020 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long. Anh Nh vẫn được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đồng ý hỗ trợ cho ông H 5.000.000 đồng. Về chi phí khảo sát, đo đạc: ông H đồng ý nộp số tiền 2.864.300 đồng tại cấp sơ thẩm, anh Nh đồng ý nộp chi phí khảo sát đo đạc tại cấp phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên anh Nh không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự;

Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục:

Bị đơn ông Trần Văn Nh kháng cáo trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định, nên kháng cáo của ông Nh được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm được quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn H có thửa đất số 280, ông H đi từ thửa đất 280 ra đường công cộng phải đi trên thửa đất 353 của ông Nh và thửa đất 341 của ông Nguyễn Văn D tiếp giáp với đường công cộng. Khi giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không đưa ông D là người có đất tiếp giáp với đường công cộng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại cấp phúc thẩm ông D đồng ý mở lối đi cho ông H trên thửa 341 từ vị trí tiếp giáp với thửa 353 ra đến đường công cộng và đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nên Tòa cấp phúc thẩm đưa ông D vào tham gia tố tụng trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ông D có văn bản đề nghị Tòa xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

Về nội dung:

[1] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau toàn bộ các vấn đề phải giải quyết trong vụ án:

- Ông Trần Văn Nh có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Nguyễn Văn H tại tách thửa số 353 diện tích 165,1m^2 {48,5m^2 và 116,6m^2}, loại đất CLN, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 2,3,4,5,6,7,8,22,11,12,21,20,17,2. Theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp đề ngày 09/7/2020. Ông H không phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị đất cho ông Nh, nên ông H không được quyền kê khai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại diện tích mở lối đi.

- Ông Trần Văn Nh có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

- Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá:

+ Tại cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu nộp 2.864.300 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm đồng). Khấu trừ vào 2.864.300 đồng tiền tạm ứng chi phí đo đạc, khảo sát, định giá ông H đã nộp tại cấp sơ thẩm, nên ông H không phải nộp thêm.

+ Tại cấp phúc thẩm: Ông Trần Văn Nh đồng ý chịu nộp 3.658.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng). Khấu trừ vào 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đo đạc, khảo sát, định giá ông Nh đã nộp tại cấp phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nh 1.342.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng), ông Nh đã nhận theo biên nhận ngày 28/7/2020.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Hào đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên lai thu số 0008881 ngày 10/5/2018. Ông H không phải nộp thêm.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST, ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án nên ông Trần Văn Nh là người có kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Trần Văn Nh 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiềm tạm ứng phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên lai thu số 0007681 ngày 28/10/2019.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 và khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự; sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 34/2019/DS-ST, ngày 14/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

Áp dụng: Điều 147, Điều 148, Điều 156, Điều 165 và Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm l khoản 4 Điều 95 của Luật đất đai năm 2013; Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 27 và Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Tuyên xử;

1. Ông Trần Văn Nh phải có nghĩa vụ mở lối đi cho ông Nguyễn Văn H tại tách thửa số 353 diện tích 165,1m^2 {48,5m^2 và 116,6m^2}, loại đất CLN, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại ấp T, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, có sơ đồ, vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc 2,3,4,5,6,7,8,22,11,12,21,20,17,2. Ông H không phải có nghĩa vụ bồi thường giá trị đất cho ông Nh, ông H không được quyền kê khai đăng ký đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại diện tích mở lối đi (Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp đề ngày 09/7/2020).

Ông Trần Văn Nh có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm l Điều 95 của Luật đất đai năm 2013.

2. Ông Trần Văn Nh phải có nghĩa vụ hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn H 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá:

3.1. Tại cấp sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu nộp 2.864.300 đồng (Hai triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm đồng). Khấu trừ vào 2.864.300 đồng tiền tạm ứng chi phí đo đạc, khảo sát, định giá ông H đã nộp tại cấp sơ thẩm, nên ông H không phải nộp thêm.

3.2. Tại cấp phúc thẩm: Ông Trần Văn Nh đồng ý chịu nộp 3.658.000 đồng (Ba triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng). Khấu trừ vào 5.000.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đo đạc, khảo sát, định giá ông Nh đã nộp tại cấp phúc thẩm. Hoàn

trả lại cho ông Nh 1.342.000 đồng (Một triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn đồng), ông Nh đã nhận đủ 1.342.000 đồng theo biên nhận ngày 28/7/2020.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn H đồng ý chịu nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí ông Hào đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên lai thu số 0008881 ngày 10/5/2018. Ông H không phải nộp thêm.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nh không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Văn Nh 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiềm tạm ứng phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm theo biên lai thu số 0007681 ngày 28/10/2019.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND CC: 01b;
- VKSND tỉnh VL: 02b;
- CA: 01b;
- TAND huyện VL :01b;
- THADS huyện VL: 02b;
- Các đs: 04b;
- Lưu: 06b.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường